Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6807.10.00

Mã HS	6807.10.00
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm bằng asphalt hoặc bằng vật liệu tương tự (ví dụ, bi-tum dầu mỏ hoặc hắc ín than đá) / - Dạng cuộn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 08:16:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68071000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10186
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10186
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10186
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9683
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9634
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9634
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9634
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9634
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9634
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9634
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9686
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9686
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9686
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9686
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9686
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9687
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9687
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9687
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9687
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9687
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9687
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9688
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9640
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9646
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9646
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9646
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9646
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9646
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9646
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9671
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9671
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9671
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9671
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9671
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9671
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9718
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9718

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9718
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9718
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9718
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9718
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9697
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9697
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9697
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9697
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9697
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9697
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9709
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9709
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9709
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9709
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9709
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9709
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9720
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9720
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9720
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9720
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9720
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9720
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9719
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9719
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9719
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9719

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9719
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9719
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9666
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9666
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9666
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9666
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9666
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9666
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9666
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9703
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9703
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9703
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9703
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9703
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9703
RCEP B	2022	2022	0	B!D9703
RCEP B	2023	2023	0	B!E9703
RCEP B	2024	2024	0	B!F9703
RCEP B	2025	2025	0	B!G9703
RCEP B	2026	2026	0	B!H9703
RCEP B	2027	2027	0	B!I9703
RCEP C	2022	2022	0	C!D9703
RCEP C	2023	2023	0	C!E9703
RCEP C	2024	2024	0	C!F9703
RCEP C	2025	2025	0	C!G9703
RCEP C	2026	2026	0	C!H9703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9703
RCEP D	2022	2022	0	D!D9702
RCEP D	2023	2023	0	D!E9702
RCEP D	2024	2024	0	D!F9702
RCEP D	2025	2025	0	D!G9702
RCEP D	2026	2026	0	D!H9702
RCEP D	2027	2027	0	D!I9702
RCEP E	2022	2022	0	E!D9706
RCEP E	2023	2023	0	E!E9706
RCEP E	2024	2024	0	E!F9706
RCEP E	2025	2025	0	E!G9706
RCEP E	2026	2026	0	E!H9706
RCEP E	2027	2027	0	E!I9706
RCEP F	2022	2022	0	F!D9703
RCEP F	2023	2023	0	F!E9703
RCEP F	2024	2024	0	F!F9703
RCEP F	2025	2025	0	F!G9703
RCEP F	2026	2026	0	F!H9703
RCEP F	2027	2027	0	F!I9703
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F8976
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G8976
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H8976
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I8976

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6807.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6807.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10186), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.